

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/KDTM-PT

Ngày 28-9-2018

V/v tranh chấp hợp đồng cho thuê
tài chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Tuấn

Ông Lương Ngọc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2018/TLPT-KDTM ngày 21 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 715/2018/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 881/2018/QĐ-PT ngày 18 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty A; địa chỉ trụ sở: Số 472-472A-472C N, phường 2, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Bà Đỗ Thị Kim T; cư trú tại: Số 18/312 K, quận H1, thành phố Hà Nội; có mặt

2. Bà Nguyễn Thanh N; cư trú tại: P10 B12-K14 khu tập thể N, phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt (cùng được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 24/QĐUQ ngày 31 tháng 5 năm 2017).

- Bị đơn: Công ty B; địa chỉ trụ sở: Số 8/41 P, phường Đ 1, quận H, thành

phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Bùi Doãn C - Giám đốc Công ty B; cư trú tại: Số 8/41 P, phường Đ 1, quận H, thành phố Hải Phòng. Có mặt

- *Viện Kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 16/6/2016 (sửa đổi, bổ sung ngày 08/12/2016), các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Đỗ Thị Kim T và bà Nguyễn Thanh N trình bày: Công ty A và Công ty B ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số 06-2619-01785/HĐCTTC ngày 16/6/2006 và 04 phụ lục hợp đồng kèm theo. Theo nội dung của Hợp đồng thì nguyên đơn cho bị đơn thuê một chiếc máy xúc đào bánh xích đã qua sử dụng, nhãn hiệu Komatsu PC400LC-V sản xuất năm 1994 tại Nhật Bản. Tài sản cho thuê trị giá là 1,5 tỷ đồng. Bị đơn trả trước 450 triệu đồng. Nguyên đơn cho bị đơn thuê số tiền là 1,05 tỷ đồng, thời hạn thuê là 48 tháng kể từ ngày nguyên đơn trả tiền cho bên cung ứng cho đến khi bị đơn trả hết tiền thuê (gốc và lãi) cho nguyên đơn, kỳ hạn trả tiền thuê 03 tháng/lần (tính từ ngày 23/6/2006), lãi suất thuê áp dụng lãi suất thả nổi bằng lãi suất huy động vốn bình quân của nguyên đơn cộng 0,3%/tháng, tại thời điểm cho thuê lãi suất là 1,1%/tháng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Nguyên đơn là chủ sở hữu của tài sản thuê trong thời hạn cho thuê. Khi bị đơn hoàn thành nghĩa vụ trong hợp đồng thì có quyền mua lại tài sản thuê theo giá chọn mua 01 triệu đồng.

Thực hiện theo hợp đồng, nguyên đơn đã thanh toán tiền cho bên cung ứng và bị đơn cũng đã nhận tài sản thuê.

Kể từ năm 2007, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê và nguyên đơn đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở việc trả nợ cũng như yêu cầu kiểm tra tài sản cho thuê nhưng bị đơn không thực hiện. Ngày 26/8/2008, nguyên đơn ra Quyết định số 119/QĐ-KD1 về việc chấm dứt hợp đồng trước hạn đối với bị đơn. Tính đến ngày 24/3/2010, bị đơn đã trả được cho nguyên đơn số tiền:

- Nợ gốc 606.713.902đ.

- Nợ lãi 409.139.327đ.

Ngày 13/10/2017 bị đơn trả thêm 50 triệu đồng nợ gốc.

Do bị đơn vi phạm Hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện và yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 18/4/2018 (*ngày xét xử sơ thẩm*) là 1.351.950.430đ (trong đó gồm: Nợ gốc 393.286.098đ và lãi quá hạn 958.664.332đ) và số tiền lãi phát sinh từ ngày 19/4/2018 theo số dư nợ gốc và

thời gian chưa thanh toán. Trường hợp bị đơn không thanh toán được ngay toàn bộ số nợ trên thì yêu cầu bị đơn phải bàn giao tài sản thuê cho nguyên đơn xử lý bù trừ nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án đại diện của bị đơn là ông Bùi Doãn C trình bày: Thừa nhận những nội dung của nguyên đơn đưa ra là đúng và cũng thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền như trên. Ông C trình bày lý do của việc không trả được nợ là do Công ty gặp khó khăn. Ông đề nghị được trả số tiền nợ gốc và xin miễn giảm số tiền nợ lãi. Còn về tài sản thuê thì đã không hoạt động từ tháng 7 năm 2009, do không kiểm tra thường xuyên nên đã mất. Vì vậy, ông C đề nghị không thu hồi tài sản cho thuê.

Tại Bản án số 01/2018/KDTM-ST ngày 18/4/2018 Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); Điều 122, 124, 476, 480 và khoản 2 Điều 489 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 4 Luật Thương mại; Điều 1, 17, 19 và khoản 2, 4 Điều 26 Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Công ty Cho thuê tài chính; khoản 6, 7 Điều 1 Nghị định số 65/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 18/4/2018 là 1.351.950.430đ trong đó: Trả nợ gốc 393.286.098đ, trả nợ lãi 958.664.332đ (lãi trong hạn 0đ, lãi quá hạn 958.664.332đ), cùng số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 19/4/2018 dựa trên số dư nợ gốc thực tế đến thời điểm thực trả theo lãi suất quy định trong Hợp đồng cho thuê tài chính số 06-2619-01785/HĐCTTC ngày 16/6/2006 mà hai bên đã ký kết. Trường hợp trong hợp đồng cho thuê tài chính, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho thuê theo từng thời kỳ của nguyên đơn thì lãi suất mà bị đơn còn nợ phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn theo bản án của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của nguyên đơn.

2. Bác yêu cầu của nguyên đơn trong trường hợp bị đơn không thanh toán ngay được toàn bộ số nợ chưa trả cho nguyên như đã nêu trên, yêu cầu bị đơn phải bàn giao ngay tài sản cho thuê tài chính là 01 máy đào bánh xích, nhãn hiệu Komatsu PC4001C-V, sản xuất năm 1994 có số khung là PC 400-21736 và số động cơ S6D125-58810 cho nguyên đơn xử lý, khấu trừ nợ theo quy định. Số nợ thuê tài chính sau khi xử lý tài sản mà còn thiếu, nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền còn thiếu.

Ngoài ra Bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 17/5/2018, Viện Trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng ra Quyết định kháng nghị số 05/QĐKNPT-VKS-KDTM với nội dung kháng nghị một phần Bản án sơ thẩm. Theo nhận định của Viện Kiểm sát thì Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là buộc bị đơn phải bàn giao lại tài sản thuê là làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vì nếu sau này nguyên đơn có tìm thấy tài sản cho thuê thì cũng không có quyền khởi kiện vì sự việc đã được giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Trong trường hợp này, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 42 BLTTDS để tách yêu cầu này thành một vụ án khác để giải quyết và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và đại diện Viện Kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung quyết định kháng nghị.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu: Từ khi thụ lý đến trước khi tuyên án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị, hủy một phần bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Đại diện của nguyên đơn trình bày: Đồng ý với quyết định kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng. Trường hợp bị đơn thanh toán hết toàn bộ khoản tiền còn nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn không thu hồi tài sản cho thuê và hiện tại nguyên đơn không biết tài sản cho thuê đang ở đâu.

Đại diện của bị đơn trình bày: Thừa nhận bị đơn có ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính với nguyên đơn và còn nợ số tiền như nguyên đơn trình bày. Bị đơn đề nghị được trả nợ gốc cho nguyên đơn trong năm 2018 và xin miễn giảm tiền nợ lãi. Trường hợp phát hiện thấy chiếc máy xúc là tài sản cho thuê thì bị đơn sẽ giao nộp cho nguyên đơn để bù trừ nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc tài sản cho thuê vẫn còn. Bị đơn cho biết là do tài sản cho thuê bị hỏng nên đã không kiểm tra thường xuyên vì vậy đã bị mất. Hơn nữa, theo yêu cầu của nguyên đơn Tòa án cũng đã tiến hành xác minh nhưng cũng không tìm thấy tài sản cho thuê. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là buộc bị đơn phải bàn giao lại tài sản thuê để

khấu trừ nợ là có cơ sở vì tài sản cho thuê không còn. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 1.351.950.430đ, bao gồm nợ gốc 393.286.098đ, nợ lãi 958.664.332đ và cùng với số tiền lãi phát sinh từ ngày 19/4/2018 (giá trị của tài sản cho thuê) là đã bảo đảm được quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và nguyên đơn cũng không có kháng cáo.

[2] Xét kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thấy rằng: Theo Điều 1, điểm 11.1 và điểm 11.14 Điều 11 của Hợp đồng cho thuê tài chính thì tài sản nguyên đơn cho bị đơn thuê là 01 chiếc máy xúc đào bánh xích nhãn hiệu Komatsu PC400LC-V sản xuất năm 1994, số khung PC 400-21376 và số máy S6D125-58810 và tài sản cho thuê thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn trong thời gian cho thuê và sẽ chuyển quyền sở hữu cho bị đơn khi bị đơn hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 192 BLTTDS quy định về những trường hợp đương sự có quyền nộp đơn khởi kiện lại đó là: “...*vụ án đòi tài sản, đòi tài sản cho thuê, ... mà trước đó Tòa án chưa chấp nhận yêu cầu...*”. Như vậy, Trường hợp bị đơn chưa trả hết số tiền còn nợ cho nguyên đơn mà nguyên đơn tìm thấy tài sản cho thuê thì nguyên đơn vẫn có quyền khởi kiện để đòi lại tài sản để khấu trừ nợ của bị đơn. Vì vậy, xét thấy không phải tách yêu cầu này thành một vụ án khác để giải quyết theo quy định tài khoản 2 Điều 42 BLTTDS. Từ những phân tích trên thấy rằng kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng không có căn cứ nên Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về việc bác yêu cầu của nguyên đơn trong trường hợp bị đơn không thanh toán được số tiền còn nợ thì phải bàn giao lại tài sản cho thuê cho nguyên đơn xử lý khấu trừ nợ.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do Viện Kiểm sát nhân dân kháng nghị bản án nên không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 BLTTDS; Điều 122, Điều 124, Điều 476 và Điều 480 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 của Chính phủ và Nghị định số 65/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử: Giữ nguyên Bản án số 01/2018/KDTM-ST ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng.

Bác yêu cầu của nguyên đơn trong trường hợp bị đơn không thanh toán ngay được toàn bộ số tiền còn nợ cho nguyên đơn như đã nêu ở trên, yêu cầu bị

đơn phải bàn giao ngay tài sản cho thuê theo Hợp đồng cho thuê tài chính là 01 máy đào bánh xích, nhãn hiệu Komatsu PC 4001C-V, sản xuất năm 1994 có số khung là PC 400-21736 và số động cơ S6D125-58810 cho nguyên đơn xử lý, khấu trừ nợ theo quy định. Số nợ thuê tài chính sau khi xử lý tài sản mà chưa đủ thì bị đơn vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền còn thiếu.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí sơ thẩm: Công ty B phải chịu 52.558.512đ (*năm mươi hai triệu, năm trăm năm mươi tám nghìn, năm trăm mười hai đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Công ty A 24.000.000đ (*hai mươi tư triệu đồng*) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 0005562 ngày 30/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Hải Phòng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP, TKT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Dương